TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A, TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/8/2022
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Để

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Ông Trần Văn Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2022 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện A, tỉnh K.

2. Bị đơn: Anh Cao Trường G, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh K.

(Chị N; Anh G có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:***

Do mai mối và có tìm hiểu chị và anh G tiến tới hôn nhân vào năm 2018 có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng anh, chị chưa

đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới chung sống được khoảng 4, 5 tháng thì đời sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn về cuộc sống lẫn kinh tế gia đình và tính tình vợ chồng không hòa đồng. Anh, chị đã ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay. Chị nhận thấy đời sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, với lối sống hiện tại thì vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Nay chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Trường G.

Về con chung có 01 con chung là Phạm Bảo N, sinh ngày 06/9/2019, hiện do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đồng ý với mức cấp dưỡng mà anh G đề nghị là 500.000 đồng/tháng, bắt đầu thực hiện cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi và tự lao động được.

Về tài sản chung: vào ngày 01 tháng 6 năm 2022 chị có nộp đơn yêu cầu chia đôi số vàng cưới 07 chỉ vàng 24kr, anh G phải giao cho chị phân nửa (3.5 chỉ vàng 24Kr), anh G sử dụng phân nửa (3.5 chỉ vàng 24Kr). Nay chị xác định rút lại yêu cầu, xác định tài sản chung không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại tờ yêu cầu và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Cao Trường G có ý kiến trình bày:**

Anh và vợ anh chị Phạm Thị N đám cưới năm 2018. Sau khi đám cưới về sinh sống tại gia đình anh , thời gian ở khoảng 4, 5 tháng gia đình và bản thân anh không có cự cãi gì với vợ anh nhưng vợ anh tự bỏ về bên vợ sinh sống cho tới nay. Anh và vợ anh đến thời điểm này chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Vợ anh về bên vợ từ khi mang bầu và sinh Phạm Bảo N cho đến nay giữa anh và vợ anh không có sống cùng nhau.

Về tình cảm vợ anh yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng/tháng bắt đầu thực hiện từ tháng 8 năm 2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi và tự lao động được.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị N, anh G: Có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt.
- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Cao Trường G xác định xác lập quan hệ vợ chồng năm 2018, nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Phạm Thị N và anh Cao Trường G là vợ chồng. Về con chung: Chị N và anh G xác định có 01 con chung Phạm Bảo N, sinh ngày 06/9/2019. Chị N và anh G thống nhất khi ly hôn anh G đồng ý giao

con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng mỗi tháng bắt đầu thực hiện từ tháng 8 năm 2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi và tự lao động được nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị N và anh G. Về tài sản chung: Ngày 29 tháng 7 năm 2022 chị N có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung để tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Phạm Thị N. Về nợ chung: Tự thỏa thuận không tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị N và bị đơn anh Cao Trường G có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh, chị trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh G thống nhất trình bày hai anh, chị tiến đến hôn nhân vào năm 2018, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau nên phát sinh mâu thuẫn. Nhận thấy cuộc hôn nhân anh, chị không tháo gỡ được nên yêu cầu xin ly hôn.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên và kết quả của việc xác minh thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của chị N và anh G đã thật sự trầm trọng, anh chị đã ly thân thời gian khá lâu mà vẫn không thể hàn gắn đoàn tụ. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh G, thì anh G cũng đồng ý. Do anh, chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng không đi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký theo quy định. Nay có tranh chấp xin ly hôn nên trường hợp này pháp luật quy định chị N và anh G không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh G thỏa thuận khi ly hôn tiếp tục giao con chung Phạm Bảo N, sinh ngày 06/9/2019 cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng; anh G cấp dưỡng nuôi cháu Bảo N 500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Bảo N tròn 18 tuổi và tự lao động được, bắt đầu thực hiện từ tháng 8 năm 2022.

Hội đồng xét xử xét thấy việc chị N và anh G thỏa thuận tiếp tục giao con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp. Bởi lẽ từ khi chị N và anh G ly thân cho đến nay, con chung do chị N đang nuôi dưỡng và hiện tại con chung dưới 36 tháng tuổi. Đồng thời việc thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị N và anh G, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự

nguyện của anh Cao Trường G cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Bảo N 500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Bảo N tròn 18 tuổi và tự lao động được, bắt đầu thực hiện từ tháng 8 năm 2022.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh G chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

[4] Về tài sản chung: Ngày 29 tháng 7 năm 2022 chị N có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung để tự thỏa thuận nên Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Phạm Thị N theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án báo cho chị N được biết là chị được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu chia tài sản chung với anh G theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho chị Phạm Thị N 438.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005415 ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A.

[5] Về nợ chung: Chị N và anh G xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp phát sinh có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh G phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228, 238, 244, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị N và anh Cao Trường G là vợ chồng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung Phạm Bảo N, sinh ngày 06/9/2019 cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng;

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Cao Trường G cấp dưỡng nuôi Phạm Bảo N 500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Bảo N tròn 18 tuổi và tự lao động được, bắt đầu thực hiện từ tháng 8 năm 2022.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh G chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Phạm Thị N đối với anh Cao Trường G.

Chị Phạm Thị N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu chia tài sản chung theo quy định pháp luật.

Hoàn trả chị Phạm Thị N 438.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005415 ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A.

4. Về nợ chung: Chị N và anh G xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp phát sinh có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác

5. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005322 ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A nên được cấn trừ xem như chị N đã thi hành xong phần án phí.

- Anh Cao Trường G phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Chị Phạm Thị N, anh Cao Trường G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU